

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 23 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lương;

Ông Nguyễn Xuân Thái;

Bà Trần Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Năm – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Minh Đ; sinh ngày 27 tháng 6 năm 1991 tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở trước khi bị bắt: Tiểu khu 8, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Tạ Thị X; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 09 tháng 8 năm 2017 sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ tại phiên tòa sơ thẩm:

Luật sư Võ Bá Hoàn, Văn phòng Luật sư Minh Giang, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bị hại:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T có trụ sở tại Tiểu khu 8, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1980, Giám đốc Công ty, cư trú tại: Tiểu khu 7, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1, Ông Đinh Minh H, sinh năm 1985, cư trú tại: Thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

2, Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1980, cư trú tại: Số 272 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt;

3, Ông Đinh Bá N, sinh năm 1981, cư trú tại: Thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

4, Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1985, cư trú tại: Thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

5, Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1994, cư trú tại: Thôn B xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

6, Ông Cao Duy T, sinh năm 1991, cư trú tại: Thôn 5, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

7, Ông Lê Hồng V, sinh năm 1982, cư trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

8, Bà Đinh Thị T, sinh năm 1995, cư trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

9, Bà Đinh Thị Đan Q, sinh năm 1980, cư trú tại: Tiểu khu 7, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Tại phiên toà ông Nguyễn Thế A, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại T vắng mặt, có đơn trình bày đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt tất cả các người có quyền lợi liên quan, trong đó có ông ông Đinh Minh H (có đơn trình bày đề nghị xét xử vắng mặt), số còn lại không có ý kiến gì.

Theo việc vắng mặt của người đại diện theo pháp luật của bị hại là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T và vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại phiên toà bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2017, Trần Minh Đ được ông Nguyễn Thế A là Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T (Công ty TNHH T) nhận vào làm việc tại Công ty. Công ty TNHH T có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho thuê xe, dịch vụ du lịch, cầm đồ..., Trần Minh Đ được ông Đinh Minh H là thành viên góp

vốn thành lập Công ty bố trí làm việc, ở và sinh hoạt tại Trụ sở Công ty. Đ được Công ty T trang bị cho một máy vi tính để bàn, được giao quản lý, sử dụng con dấu của Công ty để giao dịch; được giao tiền vốn để thực hiện giao dịch cầm đồ. Khi có khách đến giao dịch, Đ có nhiệm vụ lập hồ sơ, làm hợp đồng, chi tiền cho vay cầm đồ, theo dõi thu tiền lãi và tiền gốc về; Đ được tự quyết định sử dụng tiền của Công ty để chi trả tiền lương cho Đ và chi phí hoạt động của Công ty.

Quá trình hoạt động, khi thấy ông Nguyễn Thế A chỉ thỉnh thoảng đến Công ty và yêu cầu Trần Minh Đ mở máy tính để kiểm tra sơ qua trên máy có bao nhiêu khách hàng vay cầm đồ và tiền lãi thu về được bao nhiêu chứ không kiểm tra hồ sơ, sổ sách nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Trần Minh Đ đã lợi dụng sơ hở trong quản lý của ông Nguyễn Thế A để lập một danh sách có 156 khách hàng đến giao dịch lưu trong máy vi tính, trong đó vừa có khách hàng giao dịch thật vừa giả tên khách hàng để yêu cầu Giám đốc Công ty giao tiền vốn và đề phòng việc kiểm tra. Trong danh sách 156 khách hàng, có 84 người do Đ tự lập không, giả tên, địa chỉ thuộc 12 xã của huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình và lập không sổ tiền cho vay để yêu cầu ông Nguyễn Thế A giao tiền mặt cho Đ quản lý, sử dụng. Tổng cộng trong thời gian từ tháng 02 đến tháng 6 năm 2017, Trần Minh Đ đã 26 lần yêu cầu và nhận được số tiền 1.550.000.000 đồng từ ông Nguyễn Thế Anh, khi giao nhận hai bên không ký nhận giấy tờ gì nhưng được Đ lập một file trong máy tính của Công ty ghi lại cụ thể thời gian và số tiền đã nhận từ ông Nguyễn Thế A. Số tiền trên Trần Minh Đ dùng một phần cho vay cầm đồ, chi phí cho hoạt động của Công ty, số tiền còn lại Đ tiêu xài cá nhân và sử dụng đầu tư tiền ảo trên mạng Internet. Trong thời gian cuối tháng 4 và đầu tháng 5 năm 2017, Đ gửi 800.000.000 đồng cho chị gái của Đ là bà Trần Thị Thu H ở Thành phố Hồ Chí Minh và nói đó là tiền do Đ làm ăn được nhờ cất giữ cho Đ, một thời gian ngắn sau đó, Đ yêu cầu bà H gửi trả lại tiền, nên trong tháng 5 năm 2017, bà H đã gửi theo tài khoản của Đ số 0251002709562 tại Ngân hàng V, Chi nhánh Quảng Bình toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng.

Ngày 22 tháng 7 năm 2017, ông Nguyễn Thế A yêu cầu Trần Minh Đ đưa hồ sơ cho vay để kiểm tra thì phát hiện hồ sơ ít hơn danh sách khách hàng mà Đ lập để báo cáo và yêu cầu chi tiền. Đ đã thừa nhận với ông Nguyễn Thế A việc lập không danh sách để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 24 tháng 7 năm 2017, Trần Minh Đ cùng gia đình đã bồi thường cho ông Nguyễn Thế A số tiền 200.000.000 đồng và ngày 09 tháng 8 năm 2017, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa đầu thú về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền Trần Minh Đ thu vào là 1.877.071.000 đồng, trong đó số tiền nhận từ ông Nguyễn Thế A là 1.550.000.000 đồng, tiền lãi thu về từ hoạt động cầm đồ là 327.071.000 đồng. Số tiền Trần Minh Đ đã chi ra là 583.514.000 đồng, trong đó số tiền cho vay cầm đồ chưa thu về là 448.500.000 đồng và chi phí hoạt động của Công ty là 135.014.000 đồng. Như vậy tổng số tiền Trần Minh Đ đã chiếm đoạt của Công ty TNHH T là 1.293.557.000 đồng. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện Trần Minh Đ đã bồi thường

200.000.000 đồng và quá trình điều tra gia đình Trần Minh Đ đã bồi thường thêm 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH T. Số tiền còn lại 1.043.557.000 đồng, ông Nguyễn Thế A Giám đốc Công ty TNHH T yêu cầu Trần Minh Đ tiếp tục bồi thường.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã thu giữ của Công ty TNHH T 01 CPU máy tính, 04 quyển sổ do Đ lập, ghi chép, thu giữ của Trần Minh Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám đen, số IMEI 358565074375841. Sau khi khai thác dữ liệu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH T 01 CPU.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Trần Minh Đ khai nhận diễn biến, nội dung vụ án và hành vi bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.293.557.000 đồng của Công ty TNHH T đúng như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố để Toà án xét xử đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết bị cáo tự đến Công an huyện Minh Hoá tự thú hành vi phạm tội của mình. Theo các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ không tranh luận tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Tự thú; sau khi vụ án bị phát hiện và trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự giác bồi thường và có ý kiến để bố mẹ bị cáo bồi thường cho Công ty TNHH T số tiền 250.000.000 đồng. Quá trình điều tra và xét xử bị cáo luôn khai báo thành khẩn, biết ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố là ông Trần Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì, mẹ bị cáo bà Tạ Thị X là người cao tuổi khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp hàng tháng của Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, p, o của khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo mức án dưới khởi điểm của khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 với mức án thấp nhất.

Ông Nguyễn Thế A đại diện cho bị hại là Công ty TNHH T tại đơn xin vắng mặt đề nghị xử phạt bị cáo mức án theo đúng quy định của pháp luật, buộc bị cáo bồi thường đủ số tiền còn thiếu 1.043.557.000 đồng cho Công ty TNHH T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Minh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, có căn cứ pháp luật. Sau khi vụ án bị phát hiện, ông Nguyễn Thế A đã cho bị cáo thời gian khắc phục trả nợ nhưng bị cáo không trả được nợ. Ngày 04 tháng 8 năm 2017, ông Nguyễn Thế A có đơn trình báo sự việc đề nghị Công an huyện Minh Hoá giải quyết, sau đó đến ngày 09 tháng 8 năm 2017, Trần Minh Đ mới đến Công an huyện Minh Hoá đầu thú nên chỉ được hưởng tình tiết

giảm nhẹ “Đầu thú” chứ không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự thú” theo điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 như ý kiến đề nghị của Luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ mức án tù từ 12 đến 13 năm tù.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Minh Đ.

Buộc bị cáo Trần Minh Đ bồi thường cho Công ty TNHH T số tiền còn chiếm đoạt 1.043.557.000 đồng; tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của bị cáo để bảo đảm thi hành án; 04 (bốn quyền) sổ thu giữ của Công ty TNHH T có tại hồ sơ vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư được chỉ định bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ, bị cáo Trần Minh Đ, người bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Trần Minh Đ.

Theo diễn biến vụ án và lời khai nhận tội của bị cáo Trần Minh Đ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật vụ án được thu giữ. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh Đ có đủ yếu tố cấu thành của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo số tiền 1.293.557.000 đồng bị cáo Trần Minh Đ đã lừa đảo chiếm đoạt hoàn thành của Công ty TNHH T. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử sơ thẩm vụ án đề nghị xét xử bị cáo Trần Minh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Minh Đ theo hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Trần Minh Đ đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt hoàn thành của Công ty TNHH T số tiền 1.293.557.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hành vi phạm tội của

bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tài sản của Công ty TNHH T do ông Nguyễn Thế A, Giám đốc Công ty là người đại diện, gây nhiều tổn thất về vật chất và tinh thần đối với hoạt động kinh doanh của Công ty và các thành viên góp vốn, gây tâm lý hoang mang hoài nghi, bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn nên cần phải được xử phạt mức án nghiêm minh có tác dụng trừng trị riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Sau khi vụ án bị phát hiện và trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường và có ý kiến đề gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng, sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo đã đến Công an huyện Minh Hoá đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố là ông Trần Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, p của khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (là các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng không có gì thay đổi so với quy định tại các Điều 51, 52 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Bị cáo phạm tội có 2 tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, p khoản 1 Điều 46 nhưng lại có 1 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa bồi thường đủ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty TNHH T nên không thể áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo mức án dưới khởi điểm của khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo mà phải xử phạt bị cáo mức án như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Minh Đ;

Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì ngoài hình phạt chính là phạt tù, Trần Minh Đ còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo Trần Minh Đ, Hội đồng xét xử miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Minh Đ.

[3] Về trách nhiệm trả lại tài sản mà bị cáo Trần Minh Đ đã chiếm đoạt của Công ty TNHH T.

Trần Minh Đ lừa đảo chiếm đoạt của Công ty TNHH T số tiền 1.293.557.000 đồng, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm đã trả lại 250.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt của Công ty TNHH T là 1.043.557.000 đồng nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.043.557.000 cho Công ty TNHH T theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] - Về xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra có thu giữ của Công ty TNHH T 01 CPU máy tính, 04 quyển sổ do Đ lập, ghi chép, thu giữ của Trần Minh Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám đen, số IMEI 358565074375841. Sau khi khai thác dữ liệu, Cơ

quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH T 01 CPU. Hiện còn thu giữ của Công ty TNHH T 04 quyền sở do Đ lập, ghi chép, được lưu giữ theo hồ sơ vụ án. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của Trần Minh Đ được tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án theo số tiền bị cáo còn phải trả lại cho Công ty TNHH T.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vụ án có 9 người được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Đinh Minh H; bà Trần Thị Thu H, ông Đinh Bá N, bà Nguyễn Thị Mỹ A, ông Đinh Xuân T, ông Cao Duy T, ông Lê Hồng V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị Đan Q. Trong đó ông Đinh Minh H là thành viên góp vốn thành lập Công ty TNHH T nên quyền lợi của ông Đinh Minh H theo các thiệt hại do hành vi phạm tội của Trần Minh Đ gây ra đã có người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T là ông Nguyễn Thế A yêu cầu.

Bà Trần Thị Thu H là người được Trần Minh Đ chuyển số tiền 800.000.000 đồng nhờ giữ hộ sau đó bà H đã chuyển trả hết số tiền 800.000.000 đồng cho Trần Minh Đ theo yêu cầu của Trần Minh Đ. Quá trình điều tra và xét xử cho thấy bà Trần Thị Thu H không biết khoản tiền 800.000.000 đồng được Trần Minh Đ chuyển vào tài khoản của bà nhờ giữ hộ là tiền Đ đã lừa đảo chiếm đoạt của Công ty TNHH T mà có nên bà H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh Đ.

Ông Đinh Bá N, bà Nguyễn Thị Mỹ A, ông Đinh Xuân T, ông Cao Duy T, ông Lê Hồng V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị Đan Q là khách hàng đến Công ty TNHH T giao dịch cầm cố tài sản, vay tiền của Công ty TNHH T. Quá trình điều tra và xét xử cho thấy những người này được Trần Minh Đ cho vay tiền của Công ty TNHH T được thực hiện theo quan hệ dân sự, có hợp đồng, Trần Minh Đ là người được ông Nguyễn Thế A, Giám đốc Công ty TNHH T giao trực tiếp giao dịch quan hệ, làm việc với khách hàng nên không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Minh Đ.

[5] . Về án phí vụ án đối với bị cáo Trần Minh Đ:

Bị cáo Trần Minh Đ phải chịu Án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo số tiền 1.043.557.000 đồng còn phải trả lại cho Công ty TNHH T theo quy định tại các Điều 3, 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án, Danh mục, mức thu Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Cụ thể, Trần Minh Đ phải nộp 200.000 đồng Án phí hình sự sơ thẩm; phải nộp 43.306.710 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Minh Đ; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị cáo Trần Minh Đ; ông Nguyễn Thế A đại diện cho bị hại là Công ty TNHH Trung Nam; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản

án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Minh Đ, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ **12 (mười hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2017, ngày bị cáo bị tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Minh Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

3. Về trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T đối với bị cáo Trần Minh Đ:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Minh Đ trả lại số tiền 1.043.557.000 còn chiếm đoạt cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

04 quyển sổ do Đ lập, ghi chép, được lưu giữ theo hồ sơ vụ án;

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám đen thu giữ của Trần Minh Đ để bảo đảm thi hành án theo số tiền bị cáo còn phải trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T. Tình trạng điện thoại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2018 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về án phí vụ án đối với bị cáo Trần Minh Đ:

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các Điều 3, 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án, Danh mục, mức Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Trần Minh Đ phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và phải nộp 43.306.710 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo; người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị cáo Trần Minh Đ được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/3/2018) để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Ông Nguyễn Thế A đại diện cho bị hại là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại T; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết tại Trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 BL TTHS 2015;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt